

Số: 1268 / QĐ-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 3 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDDT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo – Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ năm học 2016 - 2017 và thay thế Quyết định số 1465/QĐ-LTT ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế đào tạo trong dạy nghề hệ chính quy”.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng đơn vị thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 22

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT-GTVL.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRONG DẠY NGHỀ HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1268~~ 1268/QĐ-LTT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi học phần, thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp cho bậc đào tạo Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề;
2. Quy chế này áp dụng đối với học sinh, sinh viên các khóa đào tạo ở trình độ Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện theo học chế niên chế kết hợp học chế tín chỉ (theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo thể hiện: Mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, mô đun và ngành học;
2. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có kết hợp với chương trình khung đào tạo theo niên chế và tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm thuận tiện cho việc tổ chức đào tạo liên thông từ cao đẳng nghề lên đại học;
3. Chương trình được cấu trúc từ các môn học, mô đun thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Điều 3. Môn học, mô đun và đơn vị học trình

1. Môn học, mô đun là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn môn học, mô đun có số tiết học tương đương khối lượng từ 1 đến 5 đơn vị học trình (ĐVHT), được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ;
- Kiến thức trong mỗi môn học, mô đun gắn với một mức trình độ theo năm học được thiết kế và kết cấu riêng như một phần của môn học, mô đun hoặc kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học, mô đun. Từng môn học, mô đun phải được ký hiệu bằng một mã riêng do nhà trường quy định;

2. Đơn vị học trình được sử dụng để tính khối lượng học tập của học sinh, sinh viên. Một đơn vị học trình được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; bằng 30 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận; bằng 60 giờ thực tập tốt nghiệp tại cơ sở; hoặc bằng 45 giờ làm tiểu luận, đồ án;

Đối với những môn học, mô đun lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một đơn vị học trình học sinh, sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị ở nhà;

3. Một tiết học lý thuyết, thực hành có thời lượng 45 phút.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Tổ chức đào tạo theo khóa học và năm học.

a. Khóa học là thời gian để học sinh, sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể:

- Đào tạo trình độ Cao đẳng nghề: Được thực hiện 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở; 03 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương; 01 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề (hoặc Trung cấp chuyên nghiệp) cùng ngành đào tạo;

- Đào tạo trình độ Trung cấp nghề: Được thực hiện 03 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở.

b. Mỗi năm học có hai học kỳ, mỗi học kỳ là 16 tuần và 03 tuần thi;

c. Đầu khóa học, nhà trường thông báo công khai về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình; quy chế đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của học sinh, sinh viên;

d. Đầu mỗi năm học, nhà trường thông báo lịch học của từng chương trình trong từng học kỳ, đề cương chi tiết môn học, mô đun, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các môn học, mô đun.

2. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình:

a. Cao đẳng nghề: Từ Trung học phổ thông hoặc tương đương là 06 năm; từ Trung học cơ sở là 08 năm tính từ khi học sinh, sinh viên nhập học;

b. Liên thông Cao đẳng nghề: Là 02 năm tính từ khi học sinh, sinh viên nhập học;

c. Trung cấp nghề: 06 năm tính từ khi học sinh nhập học.

Điều 5. Sắp xếp học sinh, sinh viên vào học các nghề đào tạo

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Tp. Hồ Chí Minh xác định điểm trúng tuyển theo nghề đào tạo trong kỳ tuyển sinh. Những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học các nghề đào tạo đã đăng ký.

Điều 6. Điều kiện để học sinh, sinh viên nghỉ học tạm thời hoặc bị buộc thôi học

1. Học sinh, sinh viên được quyền gửi đơn tới Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Được động viên vào lực lượng vũ trang;
- b. Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan Y tế;

c. Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, học sinh, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường và phải đạt điểm trung bình chung các môn học, mô đun tính từ đầu khóa học không dưới 5,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản a Điều 4 của Quy chế này;

- Học sinh, sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải gửi đơn tới Hiệu trưởng ít nhất 2 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hay năm học mới.

d. Học sinh, sinh viên không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo được quyền tạm ngừng học không quá 01 năm cho toàn khóa học đối với Cao đẳng nghề liên thông; không quá 03 năm cho toàn khóa học đối với Cao đẳng nghề; không quá 05 năm cho toàn khóa học đối với Trung cấp nghề;

e. Trong thời gian tạm ngừng học, học sinh, sinh viên phải đăng ký học lại các môn học, mô đun chưa đạt và được công nhận kết quả mới.

2. Học sinh, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a. Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế này;

b. Bị kỷ luật lần thứ hai với lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ;

Chậm nhất là một tháng sau khi học sinh, sinh viên có quyết định buộc thôi học, nhà trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Điều 7. Ưu tiên trong đào tạo

1. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy và Quy chế tuyển sinh học nghề được hưởng chế độ ưu tiên trong đào tạo;

2. Hiệu trưởng xem xét quyết định kéo dài thêm thời gian tối đa đối với học sinh, sinh viên thuộc các đối tượng ưu tiên. Thời gian tạm ngừng học tối đa không quá 02 năm đối với chương trình Cao đẳng nghề liên thông; không quá 04 năm đối với chương trình Cao đẳng nghề; không quá 06 năm đối với Trung cấp nghề.

Điều 8. Chuyển trường

1. Học sinh, sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a. Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b. Xin chuyển đến trường có ngành đào tạo trùng hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà học sinh, sinh viên đang học;

c. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

2. Học sinh, sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a. Học sinh, sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

b. Học sinh, sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a. Học sinh, sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b. Hiệu trưởng trường có học sinh, sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, quyết định việc học tiếp tục của học sinh, sinh viên như: năm học và số môn học, mô đun mà học sinh, sinh viên chuyển đến trường phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ ĐUN

Điều 9. Kiểm tra định kỳ

1. Kiểm tra định kỳ được thực hiện theo kế hoạch được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

2. Kiểm tra định kỳ lý thuyết được thực hiện theo hình thức viết trong thời gian từ 45 - 90 phút; Kiểm tra định kỳ thực hành được thực hiện theo hình thức thực hành một bài tập kỹ năng trong thời gian từ 2- 4 giờ;

3. Việc ra đề kiểm tra, đáp án và chấm bài kiểm tra định kỳ do giáo viên trực tiếp giảng dạy thực hiện;

4. Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

Học sinh, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài kiểm tra định kỳ. Trường hợp học sinh, sinh viên không dự kiểm tra định kỳ thì được giáo viên trực tiếp giảng dạy bố trí kiểm tra định kỳ bổ sung;

5. Học sinh, sinh viên có điểm trung bình cộng các điểm kiểm tra định kỳ dưới 5,0 điểm thì được giáo viên trực tiếp giảng dạy xem xét, bố trí kiểm tra lần thứ hai một số bài kiểm tra định kỳ có điểm dưới 5,0 điểm;

Đối với bài kiểm tra định kỳ được kiểm tra hai lần thì lấy điểm cao nhất của hai lần kiểm tra để tính điểm trung bình cộng các điểm kiểm tra định kỳ và điểm tổng kết môn học, mô-đun;

6. Điểm kiểm tra định kỳ được đánh giá theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10); được tính hệ số 2 trong điểm tổng kết môn học, mô-đun và được tính tròn đến một chữ số thập phân.

Điều 10. Điều kiện dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun

1. Học sinh, sinh viên được dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun khi có đầy đủ các điều kiện sau:

a. Tham dự ít nhất 80% thời gian quy định của học lý thuyết và thời gian rèn luyện kỹ năng thực hành được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

b. Đủ số điểm kiểm tra định kỳ tối thiểu đã được quy định theo môn học, mô-đun và có điểm trung bình cộng các điểm kiểm tra định kỳ đạt từ 3,0 điểm trở lên.

2. Học sinh, sinh viên không đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này phải đăng ký học lại môn học, mô-đun đó trong các khoá học sau.

Điều 11. Kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun

1. Kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện cho tất cả các môn học, mô-đun trong chương trình;

2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun được tổ chức hai lần:

a. Lần kiểm tra thứ nhất được thực hiện đối với những học sinh, sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy chế này;

b. Lần kiểm tra thứ hai dành cho học sinh, sinh viên có điểm tổng kết môn học, mô-đun lần thứ nhất dưới 5,0 điểm; học sinh, sinh viên có đủ điều kiện dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất nhưng chưa tham dự kiểm tra. Thời điểm tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần hai cách thời điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất tối thiểu là 2 tuần.

Đối với học sinh, sinh viên không tham dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất, có lý do chính đáng thì khi tham dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ hai có điểm tổng kết môn học, mô-đun dưới 5,0 điểm được đăng ký kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun bổ sung một lần nữa khi nhà trường có tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun đó tại kỳ kiểm tra khác;

Đối với học sinh, sinh viên không tham dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất, không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 và chỉ được phép kiểm tra một lần trong lần kiểm tra thứ hai.

3. Kế hoạch kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun do phòng TS - Đào tạo - GTVL phối hợp với các khoa, bộ môn xây dựng trên cơ sở kế hoạch đào tạo của khoá học và phải được thông báo cho học sinh, sinh viên biết khi bắt đầu tổ chức thực hiện chương trình môn học, mô-đun đó;

4. Học sinh, sinh viên sau hai lần kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun mà vẫn có điểm tổng kết môn học, mô-đun dưới 5,0 điểm phải học lại môn học, mô-đun đó trong các khoá học sau;

5. Điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun được tính hệ số 3 trong điểm tổng kết môn học, mô-đun và được tính tròn đến một chữ số thập phân;

6. Học sinh, sinh viên được dự kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun lần thứ nhất nếu điểm tổng kết môn học, mô-đun trên 5,0 điểm thì không được dự kiểm tra tiếp.

Điều 12. Cách tính điểm tổng kết môn học, mô-đun

1. Điểm tổng kết môn học, mô-đun của học sinh, sinh viên được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TKM} = \frac{2. \sum_{i=1}^n Đ_{iDK} + 3. Đ_{KT}}{2n + 3}$$

Trong đó:

- D_{TKM} : Điểm tổng kết môn học, mô-đun
- $Đi_{ĐK}$: Điểm kiểm tra định kỳ môn học, mô-đun lần i
- n : Số lần kiểm tra định kỳ.
- $Đ_{KT}$: Điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun.

2. Điểm tổng kết môn học, mô-đun được làm tròn đến 1 chữ số thập phân;

Điều 13. Ra đề thi, kiểm tra; hình thức thi, kiểm tra; chấm thi, kiểm tra; chấm phúc khảo

1. Ra đề thi, kiểm tra.

a. Nội dung đề thi, kiểm tra phải thể hiện hai phần, phần cốt lõi và phần nâng cao. Phần cốt lõi phải phù hợp với nội dung kiến thức cơ bản của học phần đã quy định trong chương trình, phần nâng cao nhằm đánh giá kiến thức mở rộng, sáng tạo của học sinh, sinh viên. Quy trình ra đề thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quy định;

b. Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung môn học, mô-đun đã được quy định trong chương trình. Đề thi, kiểm tra được lấy từ ngân hàng câu hỏi hoặc được biên soạn theo quy định của Hiệu trưởng;

c. Đề thi, kiểm tra; đáp án và thang điểm chấm thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun do Trường khoa hoặc Trường bộ môn tổ chức biên soạn và phê duyệt.

2. Hình thức thi, kiểm tra.

a. Kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện theo một hoặc kết hợp hai hình thức trong các hình thức sau: hình thức kiểm tra vấn đáp có thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời; hình thức kiểm tra viết trong thời gian từ 60 – 120 phút; hình thức kiểm tra thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp có thời gian thực hiện từ 4 – 8 giờ.

b. Hình thức thi, kiểm tra phải được thông báo cho học sinh, sinh viên từ khi bắt đầu buổi dạy đầu tiên.

3. Chấm thi

Việc chấm bài kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun do hai giáo viên được Trường khoa hoặc Trường bộ môn chỉ định thực hiện. Quy trình chấm được thực hiện theo quy định trong nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của trường.

4. Phúc khảo

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng nhận đơn phúc khảo của học sinh, sinh viên trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, kiểm tra.

Điều 14. Cách tính điểm trung bình chung và xếp loại kết quả học tập

Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, mỗi khóa học và điểm trung bình chung toàn khóa được làm tròn đến một chữ số thập phân.

1. Công thức tính điểm trung bình chung học tập như sau:

$$Đ_{TB} = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot Đ_{i-TKM}}{\sum_{i=1}^n a_i}$$

Trong đó:

$Đ_{TB}$: Điểm trung bình chung học tập

a_i : Hệ số môn học, mô-đun đào tạo nghề thứ i được xác định như sau:

a. Đối với môn học lý thuyết thì lấy số giờ học lý thuyết của môn học đó chia cho 15 và quy tròn về số nguyên.

b. Đối với mô-đun thực hành thì lấy số giờ thực hành của mô-đun đó chia cho 40 và quy tròn về số nguyên.

c. Đối với mô-đun tích hợp cả lý thuyết và thực hành thì hệ số mô-đun là tổng của thương hai phép chia tính theo cách tính trên.

$Đ_{i-TKM}$: Điểm tổng kết môn học, mô-đun thứ i .

n : Số lượng các môn học, mô-đun.

2. Điểm tổng kết các môn học giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, chính trị, tin học, ngoại ngữ và các môn văn hoá phổ thông không tính vào điểm trung bình chung toàn khoá học nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

Đối với các nghề có yêu cầu sử dụng tin học, ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp thì điểm tổng kết môn học tin học, ngoại ngữ được tính vào điểm trung bình chung toàn khoá học.

3. Xếp loại kết quả học tập

a Loại đạt:

Từ 9,0 đến 10: Xuất sắc

Từ 8,0 đến 8,9: Giỏi

Từ 7,0 đến 7,9: Khá

Từ 6,0 đến 6,9: Trung bình khá

Từ 5,0 đến 5,9: Trung bình

b. Loại không đạt:

Từ 4,0 đến 4,9: Yếu

Dưới 4,0: Kém

c. ĐTBTC học kỳ 1 là căn cứ để xét học bổng đợt 1 và ĐTBTC học kỳ 2 là căn cứ để xét học bổng đợt 2 với điều kiện: chỉ tính điểm thi lần thứ nhất và không có môn học, mô-đun nào có điểm tổng kết dưới 5;

d. Điểm trung bình chung năm học là căn cứ để xét khen thưởng, xếp hạng học lực sau mỗi năm học;

Chương IV

THI TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 15. Điều kiện dự thi tốt nghiệp

Học sinh, sinh viên được dự thi tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có điểm tổng kết các môn học, mô-đun từ 5,0 điểm trở lên;
2. Không trong thời gian đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm tổ chức thi.

Điều 16. Đối tượng dự thi tốt nghiệp

1. Đối tượng được dự thi tốt nghiệp bao gồm:
 - a. Học sinh, sinh viên có đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này;
 - b. Học sinh, sinh viên các khoá trước có đủ điều kiện được dự thi tốt nghiệp theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này nhưng chưa tham dự thi hoặc thi trượt tốt nghiệp, có đơn xin dự thi và được Hiệu trưởng quyết định cho phép tham dự thi tốt nghiệp theo các nội dung chưa thi tốt nghiệp hoặc thi trượt tốt nghiệp;
 - c. Học sinh, sinh viên các khoá trước không đủ điều kiện được dự thi tốt nghiệp theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này, đã tham gia học tập và rèn luyện hoàn thiện các điều kiện còn thiếu, có đơn xin dự thi tốt nghiệp và được Hiệu trưởng quyết định cho phép tham dự thi tốt nghiệp.
2. Danh sách các đối tượng dự thi tốt nghiệp phải được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố công khai trước ngày bắt đầu tiến hành thi tốt nghiệp tối thiểu 15 ngày.

Điều 17. Hội đồng thi tốt nghiệp

1. Hội đồng thi tốt nghiệp do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, bao gồm:
 - a. Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo;
 - b. Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo hoặc Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm;
 - c. Ủy viên thư ký là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm;
 - d. Các uỷ viên: gồm các Trưởng khoa chuyên môn, các Trưởng phòng chức năng có liên quan (có thể mời thêm đại diện doanh nghiệp có tuyển dụng học sinh, sinh viên tốt nghiệp của trường).
2. Hội đồng thi tốt nghiệp có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng trong các hoạt động tổ chức thi tốt nghiệp, gồm:
 - a. Tổ chức và lãnh đạo kỳ thi tốt nghiệp theo đúng Quy chế này, nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của nhà trường và kế hoạch đã được Hiệu trưởng quyết định;

b. Trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng thi tốt nghiệp, gồm:

- Ban thư ký: Do ủy viên thư ký Hội đồng làm Trưởng ban;
- Ban đề thi: Do Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng kiêm nhiệm Trưởng ban. Ban đề thi gồm các tiểu ban; mỗi môn thi do một tiểu ban phụ trách; mỗi tiểu ban có số lượng không quá ba người và do một Trưởng tiểu ban phụ trách;
- Ban coi thi: Do Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng kiêm nhiệm Trưởng ban;
- Ban chấm thi: Do Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng kiêm nhiệm Trưởng ban. Ban chấm thi gồm các tiểu ban; mỗi tiểu ban phụ trách một môn thi tốt nghiệp và do một Trưởng tiểu ban phụ trách.

c. Xét và thông qua danh sách đối tượng được dự thi tốt nghiệp; danh sách đối tượng không được dự thi tốt nghiệp, trình Hiệu trưởng duyệt và công bố;

d. Bảo đảm việc thực hiện nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp;

e. Xét kết quả thi tốt nghiệp và giải quyết đơn khiếu nại (nếu có). Lập danh sách học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp và không được công nhận tốt nghiệp trình Hiệu trưởng xem xét, ra quyết định công nhận tốt nghiệp;

f. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.

Điều 18. Tổ chức thi tốt nghiệp

1. Thi môn chính trị:

a. Thi môn chính trị được tổ chức theo hình thức thi viết tự luận với thời gian 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian 60 phút;

b. Kế hoạch thi môn chính trị do Hiệu trưởng quyết định và phải được thông báo cho học sinh, sinh viên biết trước 15 ngày trước khi tiến hành tổ chức thi.

2. Thi kiến thức, kỹ năng nghề:

a. Thi kiến thức, kỹ năng nghề gồm thi lý thuyết nghề và thi thực hành nghề:

- Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm) với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 thí sinh là 40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời;

- Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một sản phẩm hoặc dịch vụ. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ngày.

b. Thi kiến thức, kỹ năng nghề được tổ chức sau khi kết thúc chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng, chương trình dạy nghề trình độ trung cấp;

c. Kế hoạch thi kiến thức, kỹ năng nghề do Hiệu trưởng quyết định và phải được thông báo cho học sinh, sinh viên biết trước 30 ngày trước khi tiến hành tổ chức thi;

3. Thi các môn văn hoá phổ thông đối với học sinh, sinh viên trình độ trung cấp hệ tuyển sinh Trung học cơ sở được thực hiện theo quy định sau:

a. Thi các môn văn hoá phổ thông được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thi tốt nghiệp các môn văn hoá phổ thông đối với hệ Trung cấp chuyên nghiệp tuyển sinh Trung học cơ sở;

b. Kế hoạch thi các môn văn hoá phổ thông do hiệu trưởng quyết định và phải được thông báo cho học sinh, sinh viên biết trước 15 ngày trước khi tiến hành tổ chức thi.

4. Các bài thi tốt nghiệp của học sinh, sinh viên quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này thực hiện theo hình thức thi viết phải được rọc phách trước khi chấm. Thi vấn đáp và thi thực hành phải có mẫu phiếu chấm thi thống nhất phù hợp với từng hình thức thi.

Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức các mẫu giấy làm bài thi, phiếu chấm thi và cách đánh giá vào bài thi, phiếu chấm thi của trường mình.

5. Nội dung các môn thi tốt nghiệp.

a. Nội dung thi tốt nghiệp Chính trị là những kiến thức trong nội dung chương trình môn Chính trị theo quy định của Tổng cục dạy nghề;

b. Nội dung thi tốt nghiệp Lý thuyết nghề là những kiến thức được tổng hợp từ một số môn học, mô đun thuộc phần kỹ thuật cơ sở và chuyên môn nghề trong chương trình đào tạo;

c. Nội dung thi tốt nghiệp thực hành nghề là những kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản, chuyên sâu được tổng hợp từ một số môn học, mô đun thuộc phần kỹ năng chuyên môn nghề trong chương trình đào tạo;

d. Học sinh chưa có bằng tốt nghiệp THPT, ngoài các nội dung thi tốt nghiệp như trên, còn phải thi thêm 03 môn thuộc khối kiến thức văn hóa được quy định trong chương trình đào tạo;

6. Hiệu trưởng quy định cụ thể nội dung và khối lượng (tính bằng đơn vị học trình) của các nội dung ôn tập, thời gian ôn tập, thời gian thi đối với từng môn thi tốt nghiệp phù hợp với chương trình đào tạo và công bố vào đầu học kỳ cuối cùng của khóa học.

Điều 19. Chấm thi tốt nghiệp

1. Mỗi bài thi tốt nghiệp phải được hai thành viên ban chấm thi tốt nghiệp phân công đánh giá và thống nhất điểm. Nếu hai thành viên không thống nhất phải báo cáo Trưởng ban chấm thi tốt nghiệp xem xét quyết định;

2. Điểm chấm thi tốt nghiệp phải được công bố công khai chậm nhất là 20 ngày sau khi thi;

3. Học sinh, sinh viên có quyền làm đơn xin phúc khảo về điểm thi tốt nghiệp đối với những môn thi viết tự luận, thời gian xin phúc khảo sau 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi tốt nghiệp. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo cho học sinh, sinh viên.

Điều 20. Công nhận tốt nghiệp

1. Học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện:

a. Kết quả thi của các môn thi tốt nghiệp đều đạt từ 5,0 điểm trở lên;

b. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, học sinh, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c. Chuẩn đầu ra Tiếng Anh năng lực tương đương A2 (bậc 2) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc chứng chỉ Quốc gia trình độ A do Trường cấp đối với Trung cấp nghề.

d. Chuẩn đầu ra Tiếng Anh năng lực tương đương B1 (bậc 3) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hoặc chứng chỉ Quốc gia trình độ B do Trường cấp đối với Cao đẳng nghề.

e. Có Chứng chỉ Quốc gia Tin học trình độ A do Trường cấp (trừ học sinh, sinh viên ngành Công nghệ thông tin)

2. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những học sinh, sinh viên đủ các điều kiện theo quy định, công bố công khai với học sinh, sinh viên và báo cáo danh sách học sinh, sinh viên được công nhận tốt nghiệp và không được công nhận tốt nghiệp lên cơ quan quản lý trực tiếp trường (nếu có) và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi trường đóng chậm nhất là 30 ngày sau khi kết thúc kỳ thi tốt nghiệp.

3. Học sinh, sinh viên không đủ điều kiện để công nhận tốt nghiệp được bảo lưu kết quả các điểm thi tốt nghiệp đã đạt yêu cầu trong thời gian 4 năm kể từ ngày công bố kết quả thi tốt nghiệp của lần thi đó để xét công nhận tốt nghiệp. Trường hợp học sinh, sinh viên không có nhu cầu tham dự kỳ thi tốt nghiệp khoá sau sẽ được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành khoá học.

Điều 21. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp

Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được sử dụng để xếp loại tốt nghiệp và được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TN} = \frac{3.Đ_{TB} + 2.Đ_{TNTH} + Đ_{TNLT}}{6}$$

Trong đó:

$Đ_{TN}$: Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp

$Đ_{TB}$: Điểm trung bình chung toàn khoá học được xác định theo quy định tại khoản 1 của Điều 14.

$Đ_{TNTH}$: Điểm thi thực hành nghề

$Đ_{TNLT}$: Điểm thi lý thuyết nghề

Điều 22. Xếp loại tốt nghiệp

1. Việc xếp loại tốt nghiệp căn cứ vào điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp;

2. Các mức xếp loại tốt nghiệp được quy định như sau:

a. Loại xuất sắc có điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp từ 9,0 đến 10;

b. Loại giỏi có điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp từ 8,0 đến dưới 9,0;

c. Loại khá có điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp từ 7,0 đến dưới 8,0;

d. Loại trung bình khá có điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp từ 6,0 đến dưới 7,0;

e. Loại trung bình có điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp từ 5,0 đến dưới 6,0.

3. Mức xếp loại tốt nghiệp được ghi vào bằng tốt nghiệp và bằng tổng hợp kết quả học tập của học sinh, sinh viên.

Chương V

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Thanh tra, kiểm tra hoạt động thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp

Thanh tra Dự nghề, thanh tra Sở Lao động- Thương binh và Xã hội các địa phương và thanh tra các Bộ, ngành theo thẩm quyền tiến hành thanh tra hoạt động thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của các cơ sở dạy nghề.

Điều 24. Xử lý vi phạm đối với người học nghề, giáo viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp

1. Trong quá trình thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp nếu người học nghề vi phạm Quy chế này và Nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của cơ sở dạy nghề, tùy theo mức độ hành vi sẽ bị xử lý theo một trong các hình thức sau:

a. Khiển trách, cho tiếp tục thi hoặc kiểm tra nhưng trừ 25% điểm bài thi hoặc bài kiểm tra;

b. Cảnh cáo, cho tiếp tục thi hoặc kiểm tra nhưng trừ 50% điểm bài thi hoặc bài kiểm tra;

c. Đình chỉ thi hoặc kiểm tra và cho điểm “0” cho bài thi hoặc bài kiểm tra đó;

d. Đình chỉ buộc thôi học hoặc không công nhận tốt nghiệp.

2. Cán bộ, giáo viên vi phạm Quy chế này và nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp của cơ sở dạy nghề, tùy theo mức độ hành vi sai phạm phải được xử lý theo các hình thức kỷ luật của cơ sở dạy nghề hoặc bị truy tố trước pháp luật;

3. Các trường hợp vi phạm đều phải lập biên bản và báo cáo người có thẩm quyền theo quy định trong nội quy thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp xem xét, quyết định.

Điều 25. Xử lý khiếu nại, tố cáo trong thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp

Người đứng đầu cơ sở dạy nghề phải có trách nhiệm trả lời các khiếu nại, tố cáo về việc kiểm tra trong quá trình học tập; thi tốt nghiệp hoặc kiểm tra kết thúc khóa học và công nhận tốt nghiệp trong thời hạn theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.



Phạm Hữu Lộc